TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2019
"V/v *tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung giữa chị L, anh D*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy
2. Bà Phạm Thị Thúy Mùi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Minh Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Bùi Sỹ D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(*Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2019 và trong bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Bùi Sỹ D tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 24/3/2010. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 04 năm thì mâu thuẫn, nguyên

nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi lộn, cuộc sống không có hạnh phúc. Mặc dù chị đã cố gắng nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng. Do không thể cuộc sống chung với anh D, nên từ năm 2014, chị đã đưa con về quê bố mẹ đẻ ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống cho đến nay, từ đó đến nay cuộc sống của ai người đó lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh D.

Vợ chồng có một con chung là Bùi Thị Bảo T sinh ngày 06/02/2011, hiện đang ở với chị, chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, chị xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đối với bị đơn là anh Bùi Sỹ D: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không có lý do, Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình anh D, nhưng anh D vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng.

Kết quả xác minh với gia đình anh D được cung cấp: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và con chung như chị L đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình không rõ, nhưng chị L có quan hệ tốt với gia đình nhà chồng, từ năm 2014 vợ chồng anh D không còn chung sống cùng nhau cho đến nay, anh D ở địa phương còn chị L đưa con về quê ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Hiện anh D đi làm ăn tự do, mới đi cách thời gian Tòa án xuống xác minh vài ngày, gia đình không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh vẫn đi về nhà, gia đình nhận trách nhiệm thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D biết.

Kết quả xác minh với chính quyền địa phương Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình cho thấy: Vợ chồng chị L, anh D sau khi kết hôn do công việc nên có thời gian đi làm ăn, có thời gian ở địa phương chứ không ở cố định tại địa phương. Từ khoảng năm 2014 đến nay, anh D ở tại địa phương còn chị L đưa con về quê ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Thời gian gần đây anh D đi làm ăn tự do nhưng vẫn thường xuyên đi về địa phương.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án; đối với bị đơn vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Sỹ D; giao con chung Bùi Thị Bảo T sinh ngày 06/02/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con do chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; chị L khai vợ chồng không có tài sản chung, anh D vắng mặt nên không giải quyết về phân chia tài sản; Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Sỹ D có nơi cư trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, căn cứ các điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; bị đơn là anh Bùi Sỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Sỹ D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 24/3/2010 là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị L và kết quả xác minh cho thấy, trong cuộc sống chung giữa vợ chồng chị L, anh D có mâu thuẫn, nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống. Năm 2014, mâu thuẫn trầm trọng, chị L đã đưa con về quê bố mẹ đẻ ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng không liên lạc với nhau từ đó cho đến nay; nay chị L xin ly hôn, anh D được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt để tham gia tố tụng và hòa giải, điều đó cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Xét thấy thời gian anh chị xa cách đã 05 năm nhưng không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị thực sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Sỹ D có một con chung là Bùi Thị Bảo T sinh ngày 06/02/2011. Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị L là phù hợp với thực tế từ khi anh chị không chung sống cùng

nhau, con chung vẫn ở với chị L, được chị L nuôi dưỡng chu đáo; con chung cũng có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với chị L, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Sỹ D vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của anh D nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Sỹ D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Sỹ D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Bảo T sinh ngày 06/02/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Bùi Sỹ D cấp dưỡng cho con.

Anh Bùi Sỹ D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) Chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003893 ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bùi Sỹ D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;

- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã T, huyện.T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hương Liên
(Đã ký)